

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2021/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-

TTg ngày 19 tháng 02 năm 2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: Tại Tờ trình số 102/TTr-SLĐTBXH ngày 04 tháng 8 năm 2021, Công văn 2170/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 144/BC-STP ngày 14 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Đặng Văn Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này Quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện, thị xã, thành phố uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là Chi nhánh NHCSXH tỉnh), Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (sau đây gọi là Phòng giao dịch NHCSXH huyện) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi (bao gồm các Phòng giao dịch NHCSXH huyện); các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác cho vay của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã).

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương cấp bổ sung hàng năm (bao gồm ngân sách tỉnh và cấp huyện, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương) cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, bố trí nguồn từ ngân sách địa phương cho NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Căn cứ vào dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn uỷ thác cho vay theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

3. Nguồn Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý nợ rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn ngân

sách địa phương các cấp ủy thác qua NHCSXH theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Quy chế này.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng với Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp

1. Cấp tỉnh giao Giám đốc Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện giao Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn huyện, thị xã (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP).

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương để quy định.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

Thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ: Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH quy định.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH (sau đây gọi là HĐQT) các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được. Tỷ lệ phân bổ cho các đơn vị liên quan như sau:

Hoạt động của Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp là 75%.

Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội là 15%.

Cơ quan Tài chính là 10%.

Số tiền lãi thu được cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh được phân bổ trên cơ sở số lãi thu được của từng đơn vị cấp huyện, theo tỷ lệ như sau: Cơ quan cấp tỉnh 25%, cấp huyện 75% số tiền lãi thu được và được phân bổ cho các đơn vị theo tỷ lệ được hưởng nêu trên.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro**1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan**

Đối tượng được xem xét xử lý nợ rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Những trường hợp xử lý nợ bị rủi ro khác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Tài chính, Kế hoạch cùng cấp và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét, quyết định theo đúng quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Quy chế này.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện xử lý như sau

a) Đối với khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn ngân sách cấp tỉnh: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Đối với khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn ngân sách cấp huyện: Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, bổ sung từ nguồn ngân sách cấp huyện để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện.

5. Hàng năm, trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, phần còn lại được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay như sau:

a) Chi nhánh NHCSXH tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vào nguồn ngân sách địa phương cấp tỉnh ủy thác để cho vay theo quy định.

b) Phòng giao dịch NHCSXH huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban

nhân dân cấp huyện bổ sung vào nguồn ngân sách địa phương cấp huyện ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7) và hàng năm (trước ngày 15/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH: Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7) và hàng năm (trước ngày 15/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH báo cáo về kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân

1. Sở Tài chính, Phòng Tài Chính - Kế hoạch cấp huyện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với nguồn ngân sách cấp tỉnh); Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với nguồn ủy thác từ ngân sách huyện):

a) Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí nguồn từ ngân sách địa phương cấp tỉnh, cấp huyện ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Căn cứ dự toán đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

b) Căn cứ Quyết định bổ sung của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh nơi nhận ủy thác; chuyển nguồn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH theo Hợp đồng ủy thác.

c) Thực hiện việc kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện; kiểm tra việc phân phối lãi, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 của Quy chế này.

d) Thẩm định hồ sơ vay vốn rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH huyện, đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro được tạo lập từ nguồn ủy thác địa phương. Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro xin xóa nợ theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện xem xét theo quy định.

đ) Phê duyệt dự toán và quyết toán các khoản chi từ nguồn lãi thu được qua nguồn vốn ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã quản lý.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và NHCSXH nơi nhận ủy thác và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh đúng mục đích, đối tượng theo quy định hiện hành.

b) Hướng dẫn chỉ đạo rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo ... hàng năm cung cấp cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để làm cơ sở thực hiện cho vay đúng đối tượng.

c) Thực hiện quản lý, sử dụng khoản kinh phí trích từ lãi nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; có trách nhiệm quản lý phần tiền lãi dành cho cơ quan quản lý, theo dõi cấp tỉnh do Chi nhánh NHCSXH tỉnh chuyển qua để sử dụng phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành Quỹ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của các cơ quan cấp tỉnh theo quy định.

d) Kiểm tra, đánh giá kết quả cho vay của Quỹ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của địa phương theo định kỳ 6 tháng và hàng năm, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch, bố trí bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay theo quy định.

b) Phối hợp, kiểm tra, giám sát việc sử dụng, điều hành nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản Liên tịch và Hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện.

5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi và Phòng giao dịch NHCSXH huyện

a) Ký hợp đồng ủy thác với cơ quan Tài chính cùng cấp; tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan: kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định; lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho đối tượng vay vốn gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

d) Phối hợp với cơ quan Tài chính kiểm tra việc quản lý, sử dụng lãi cho vay và chuyển phân phối số tiền lãi thu được cho vay vốn ngân sách địa phương hàng quý cho các cơ quan, đơn vị thụ hưởng theo Điều 10 Quy chế này.

đ) Thực hiện cho vay đúng quy trình nghiệp vụ, cho vay đúng đối tượng, vốn vay sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác đúng quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

b) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng theo các quy định tại Quy chế này.

c) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Phòng giao dịch NHCSXH huyện tổ chức cho vay; chịu trách nhiệm chính về người vay vốn, tính khả thi của dự án, mục tiêu giải quyết việc làm; kiểm tra, đánh giá kết quả cho vay và đôn đốc thu hồi nợ. Ủy ban nhân dân cấp xã: Chịu trách nhiệm xét duyệt đối tượng vay vốn đúng quy định của từng chương trình tín dụng; phối hợp với Phòng giao dịch NHCSXH huyện, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ, trả tiền lãi vay, đôn đốc thu hồi nợ, xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quy chế này.

d) Chi đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã: Thực hiện quản lý, sử dụng khoản kinh phí trích từ lãi cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh được phân bổ và lãi cho vay chương trình tín dụng từ nguồn vốn ngân sách huyện theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Bộ Tài chính quy định.

đ) Tổng hợp kết quả cho vay, thu hồi nợ và xử lý nợ rủi ro trên địa bàn quản lý, gửi báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và hàng năm về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để nhân dân biết rõ Quy chế này.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với Phòng giao dịch NHCSXH huyện, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc bình xét hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vốn vay, bảo đảm dân chủ và công khai, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn. Có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay với các trường hợp xin gia hạn nợ và xử lý rủi ro.

c) Phối hợp với Phòng giao dịch NHCSXH huyện xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn; hướng dẫn người vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

8. Trách nhiệm của người vay

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 14. Khen thưởng, kỷ luật

1. Đối với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện, tổ cho vay tín dụng thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ khai thác cho vay và có biện pháp, đôn đốc thu hồi nợ vay đảm bảo, bảo toàn vốn vay đúng hạn định, đạt hiệu quả và kế hoạch vốn thì được khen thưởng hằng năm và đột xuất (nếu có).

Trường hợp Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH huyện, tổ cho vay tín dụng không thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; thiếu trách nhiệm trong việc thẩm định hồ sơ cho vay và không có biện pháp, đôn đốc thu hồi nợ vay, gây lãng phí, thất thoát vốn thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ mà bị truy cứu, xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật.

2. Đối với tổ chức, cá nhân và người lao động thuộc diện vay vốn tín dụng ưu đãi để chăn nuôi, mở rộng sản xuất kinh doanh thu hút nhiều lao động tại địa phương; mô hình sản xuất giỏi, làm ăn kinh tế có hiệu quả, góp phần giảm

nghèo, phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương thì được giới thiệu, nhân rộng mô hình và được tuyên dương, đề xuất khen thưởng hằng năm và đột xuất (nếu có).

Trường hợp các tổ chức, cá nhân và người lao động thuộc diện vay vốn tín dụng ưu đãi nhưng việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích, trái với quy định và chây ì không trả nợ vốn vay thì tùy theo trường hợp cụ thể và mức độ nặng, nhẹ bị xử lý theo quy định pháp luật.

3. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định ban hành kèm theo Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để xem xét, giải quyết./.